

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 370/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 21/9/2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Dung.

Ông Nguyễn Việt Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 371/2024/TLST-HNGĐ ngày 09/7/2024 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 453/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 293/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Vũ Văn C, sinh năm 1986.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn V, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: Nhật Bản.

Người được anh Chính ủy Q về việc giao nhận văn bản: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1992 và chị Trịnh Thanh H, sinh năm 1998; Địa chỉ: Số H đường N, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Chị Ngô Thị C1, sinh năm 1993.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn V, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: Nhật Bản.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Vũ Thị X, sinh năm 1965; Địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương.

(Các đương sự đều vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn anh Vũ Văn C trình bày: Anh và chị Ngô Thị C1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 26/9/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình nhà chồng, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng càng về sau càng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Do điều kiện kinh tế khó khăn, năm 2018 anh chị cùng sang lao động tại Nhật Bản, kể từ khi sang Nhật Bản mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cách chăm sóc con cái và quản lý, chi tiêu kinh tế gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung, từ đó vợ chồng không quan tâm, không nói chuyện với nhau, mặc dù hai bên cùng cố gắng để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn và không líu kéo được. Anh xác tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Ngô Thị C2.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Vũ Thùy D, sinh ngày 07/3/2016, hiện đang sống cùng bà ngoại là bà Vũ Thị X. Anh đề nghị giao con chung cho chị C1 chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên (tròn 18 tuổi) và không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian chị C1 không có mặt ở Việt Nam anh nhất trí để bà Vũ Thị X chăm sóc con Vũ Thùy D cho đến khi chị C1 về nước.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện anh C2 đang lao động tại Nhật Bản nên anh ủy quyền cho anh Nguyễn Ngọc T thay anh giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt .

Do anh C2 không cung cấp được địa chỉ của chị C1 nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình chị C1. Bà Vũ Thị X (là mẹ đẻ chị C1) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của chị C1 ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên chị C1 vẫn thường xuyên liên lạc với bà qua điện thoại. Bà đồng ý nhận văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho chị C1 biết, thông qua gia đình chị C1 xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh C2 xin ly hôn, chị hoàn toàn nhất trí. Chị xác định vợ chồng có 01 con chung như anh C2 trình bày là đúng, chị đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Vũ Thùy D cho đến khi con đủ 18 tuổi

và tự nguyện không yêu cầu anh C2 phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian không có mặt ở Việt Nam, chị ủy quyền cho mẹ đẻ là bà Vũ Thị X chăm sóc con Vũ Thùy D cho đến khi chị về nước. Tài sản chung, nợ chung không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Vũ Thị X nhất trí thay chị C1 chăm sóc cháu Vũ Thùy D cho đến khi chị C1 về nước và không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi cháu D.

Con chung của anh C2 và chị C1 là cháu Vũ Thùy D có nguyện vọng được ở với chị C1 và bà X.

Người được anh Chính ủy Q về việc giao, nhận văn bản tố tụng tại Tòa án - anh Nguyễn Ngọc T trình bày: Anh nhất trí nhận ủy quyền của anh C2, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, anh đã thông báo cho anh C2 biết, anh C2 vẫn giữ nguyên quan điểm trong đơn xin ly hôn và đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Văn C ly hôn chị Ngô Thị C1. Về con chung: Giao con chung Vũ Thùy D cho chị C1 chăm sóc, nuôi dưỡng; anh C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu Vũ Thùy D cho bà Vũ Thị X chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị C1 không có mặt tại Việt Nam. Anh C phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn anh Vũ Văn C và bị đơn chị Ngô Thị C1 có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở thôn V, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương, hiện anh C và chị C1 đều đang lao động tại Nhật Bản, do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Mặc dù anh C không có mặt ở Việt Nam nhưng anh đã gửi đơn xin ly hôn, bản tự khai và ủy quyền cho anh Nguyễn Ngọc T nộp đơn đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Đơn và các tài liệu của anh đã được Đại sứ quán C3 tại Nhật Bản chứng thực. Do vậy, có đủ cơ sở

khẳng định quan điểm ly hôn của anh là hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh C không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị C1, Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình chị C1 cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà X là mẹ đẻ chị C1 để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa anh C và chị C1 đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Bà X vẫn liên lạc với chị C1 và đã thông báo việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa anh C và chị C1. Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt và đều có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt, do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn C và chị Ngô Thị C1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 26/9/2014 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được thời gian đầu hạnh phúc nhưng càng về sau càng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Năm 2018, anh chị cùng sang lao động tại Nhật Bản, tuy nhiều mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng hơn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm trong cách chăm sóc con cái và quản lý chi tiêu kinh tế gia đình. Từ đó vợ chồng không nói chuyện và không quan tâm đến nhau. Anh chị đã nhiều lần tìm cách nói chuyện để hàn gắn tình cảm vợ chồng, gia đình hai bên cũng can thiệp, hòa giải nhưng không có kết quả. Anh Chính xác Đ tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị C1. Thông qua gia đình chị C1 cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh C xin ly hôn chị nhất trí. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa anh C và chị C1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Vũ Văn C.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh Vũ Văn C và chị Ngô Thị C1 có 01 con chung là Vũ Thùy D, sinh ngày 07/3/2016. Anh C, chị C1 thống nhất giao cháu Vũ Thùy D cho chị C1 chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên (tròn 18 tuổi). Cháu Vũ Thùy D có nguyện vọng được ở với chị C1 và bà X. Chị C1 ủy quyền cho bà Vũ Thị X chăm sóc cháu D cho đến khi chị về nước. Hội đồng xét xử xét thấy, thỏa thuận của các đương sự phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do vậy, cần chấp nhận thỏa thuận của anh chị giao con chung cho chị C1 chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con tròn 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của chị C1, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu Vũ Thùy D cho bà Vũ Thị X nuôi dưỡng trong thời gian chị C1 không có mặt tại Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh C, chị C1 xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Anh Vũ Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Văn C, xử cho anh Vũ Văn C ly hôn chị Ngô Thị C1.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Ngô Thị C1 chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Vũ Thùy D, sinh ngày 07/3/2016 cho đến khi con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị C1 không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao con chung Vũ Thùy D cho bà Vũ Thị X nuôi dưỡng trong thời gian chị C1 không có mặt tại Việt Nam.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Vũ Văn C phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0000850 ngày 09/7/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do anh Nguyễn Ngọc T nộp thay). Anh C đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Vũ Văn C và chị Ngô Thị C1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày; bà Vũ Thị X được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Lê Hồng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường

